

Bản án: 03/2024/DS-ST
Ngày 29 tháng 02 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Triển, ông Phan Duy Lục

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín – Thư ký tòa án

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: ông Tạ Việt Hùng, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST – DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H1 (M)

Địa chỉ: Số E N, P. L, Q. Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân Hàng Q2, MSB; theo văn bản ủy quyền số 38972020/UQ-TGD12 ngày 20/07/2020 của Tổng Giám đốc M.

Bà Nguyễn Thị Nhật T, sinh năm 1983; bà Trần Thị L1, sinh năm 1995; ông Cao Minh Q1, sinh năm 1983 (Đều là nhân viên thuộc Ngân Hàng Quản lý tín dụng, M). Địa chỉ: Tòa nhà Bưu điện tỉnh, số B N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Tại phiên tòa có mặt bà T).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Kim Văn H, sinh năm 1984, vắng mặt

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, vắng mặt

Đều cư trú: thôn H, Bình Dương, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 09 năm 2023, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nhật T trình bày:

1. Kí kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng

Ngày 30/8/2021, ông Kim Văn H (chồng) và bà Nguyễn Thị N (vợ) ký Văn bản đồng thuận về việc cùng vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 (M). Cụ thể hóa các thỏa thuận đó, MSB với vợ chồng ông Kim Văn H đã ký các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất:

Cùng ngày 30/8/2021, M với ông Kim Văn H ký Hợp đồng cho vay số TDTC35/2021/HĐCV, cụ thể: + Số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Thời hạn vay: 120 tháng.

+ Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm đồ dùng gia đình.

+ Lãi suất vay: Áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 05/3/2023 là 8,75%/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày). Lãi suất áp dụng đối với khoản vay cho thời gian tiếp theo tính từ ngày 06/3/2023 là lãi suất thả nổi được tính bằng (=) lãi suất tham chiếu (theo quy định của MSB tại thời điểm điều chỉnh) cộng (+) biên độ 4%/năm. Ngày điều chỉnh kỳ lãi suất đầu tiên là 06/3/2023. Ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ là ngày 16.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Trả nợ gốc, lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Số kỳ trả gốc: 120 kỳ, ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 16/10/2021, các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 16 hàng tháng; số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 4.166.667 đồng, kỳ cuối trả tất toán. Số kỳ trả lãi: 120 kỳ, ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 16/10/2021, các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 16 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, M đã giải ngân cho vợ chồng ông H số tiền 500.000.000đ vào ngày 06/9/2021. Nhưng vợ chồng ông H đã không thực hiện đúng các cam kết về thời hạn trả nợ gốc, lãi; khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 16/9/2022.

Hiện còn nợ: 464.264.938đ gốc; 118.704.272đ lãi (gồm cả lãi trong hạn và quá hạn); lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 13,4%/01 năm (lãi suất quá hạn); số liệu tính đến hết ngày 29/02/2024.

Hợp đồng thứ hai:

Cùng ngày 30/8/2021, M và ông Kim Văn H tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số KD17/2021/HĐTD, cụ thể:

+ Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

+ Thời hạn vay: 06 tháng.

+ Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh.

+ Lãi suất vay: Áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 06/6/2022 là 8,5%/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày). Lãi suất áp dụng đối với khoản vay cho thời gian tiếp theo tính từ ngày 07/6/2022 là lãi suất thả nổi được tính bằng (=) lãi suất tham chiếu (theo quy định của MSB tại thời điểm điều chỉnh) cộng (+) biên độ 3.5%/năm. Ngày điều chỉnh kỳ lãi suất đầu tiên là 07/6/2022. Ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ là ngày 26.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Trả nợ gốc, lãi: Nợ gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế. Số kỳ trả gốc: 01 lần vào ngày 07/9/2022, số tiền gốc phải trả 400.000.000 đồng. Số kỳ trả lãi: 06 kỳ, ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 26/3/2022, các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, M đã giải ngân cho vợ chồng ông H số tiền 400.000.000đ vào ngày 07/3/2022. Nhưng vợ chồng ông H đã không thực hiện đúng các cam kết về thời hạn trả nợ gốc, lãi; khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 04/8/2022.

Hiện còn nợ: 400.000.000đ gốc; 149.200.961đ lãi (gồm cả lãi trong hạn và quá hạn); lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 14,9%/01 năm (lãi suất quá hạn); số liệu tính đến hết ngày 29/02/2024.

Hợp đồng thứ ba:

Ngày 22/9/2021, M và ông Kim Văn H tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01021/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2773883 theo phương thức cho vay hạn mức thấu chi, cụ thể:

+ Số tiền cấp hạn mức thấu chi: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

+ Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng.

+ Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân.

+ Lãi suất thấu chi trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 21/9/2022 là 16%/năm (365 ngày).

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, M đã giải ngân cho vợ chồng ông H số tiền 100.000.000đ vào ngày 22/9/2021. Nhưng vợ chồng ông H đã không thực hiện đúng các cam kết về thời hạn trả nợ gốc, lãi; khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 21/9/2022.

Hiện còn nợ: 99.912.353đ gốc; 40.821.916đ lãi (gồm cả lãi trong hạn và quá hạn); lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 24%/01 năm (lãi suất quá hạn); số liệu tính đến hết ngày 29/02/2024.

Hợp đồng thứ tư:

- Ngày 02/11/2021, M và ông Kim Văn H tiếp tục ký Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng, cụ thể:

+ Số tiền được cấp hạn mức: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

+ Thời hạn thẻ: 36 tháng.

+ Lãi suất: Lãi suất của thẻ tín dụng được áp dụng theo biểu lãi suất được MSB công bố niêm yết tại quầy giao dịch và thông báo trên website của M tại thời điểm ký hợp đồng.

+ Lãi suất quá hạn: Là lãi suất cố định được tính bằng 145% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Đối với khoản vay này, MSB xin rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay

TSBĐ cho khoản vay là: *thửa đất số 605, tờ bản đồ số 21, diện tích 174,9m² tại địa chỉ: Thôn H, Bình Dương, V, Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản gắn*

liền với đất; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 564826, số vào sổ cấp GCN: CS 00715 do Sở TN&MT tỉnh V cấp ngày 13/01/2016 đứng tên ông Kim Văn H. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu khởi kiện

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở trên, Ngân hàng TMCP H1 đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Buộc ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho MSB toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/02/2024 là: **1.272.904.441đ**, trong đó, nợ gốc là: 964.177.291 đồng; nợ lãi trong hạn là: 222.103.956 đồng; nợ lãi quá hạn là: 86.623.194 đồng. Cụ thể:

+ Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số TDTC35/2021/HĐCV ngày 30/8/2021; số tiền phải trả: 464.264.938đ gốc; 113.499.474đ lãi trong hạn; 5.204.798đ lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 13,4%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

+ Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số KD17/2021/HĐTD ngày 30/8/2021; số tiền phải trả: 400.000.000đ tiền gốc; 102.404.249đ tiền lãi trong hạn; 46.796.712đ lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 14,9%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

+ Khoản vay thấu chi ngày 02/11/2021; số tiền phải trả: 99.912.353đ tiền gốc; 6.200.233đ tiền lãi trong hạn; 34.621.684đ tiền lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 24%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

- Đối với khoản vay thẻ tín dụng, số tiền phải trả cả gốc và lãi là 58.988.267đ. MSB xin rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án.

- Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ nêu trên thì MSB được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản vay, tài sản bảo đảm là: *thửa đất số 605, tờ bản đồ số 21, diện tích 174,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; tại địa chỉ: Thôn H, Bình Dương, V, Vĩnh Phúc (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 564826, số vào sổ cấp GCN: CS 00715 do Sở TN&MT tỉnh V cấp ngày 13/01/2016 đứng tên ông Kim Văn H).*

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho MSB.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, MSB đã tạm nộp chi phí đo đạc diện tích đất thế chấp, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.200.000đ. Việc chi phí đã được quyết toán, MSB không có ý kiến gì.

Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà N phải hoàn trả cho MSB số tiền 6.200.000đ.

Bị đơn là ông Kim Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản lời khai ngày 01/12/2023 trình bày: Về thời gian ký kết hợp đồng, mục đích vay, phương thức cho vay, số tiền vay, tài sản bảo đảm, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, thời hạn cho vay, số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn đã trả, số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn chưa trả như đại diện Ngân hàng H1 trình bày là đúng.

- Ông xác nhận những số liệu, cách tính lãi, gốc của đại diện M là đúng. Quan điểm của ông đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần số tiền trên cho Ngân hàng, mỗi tháng trả từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ và xin được miễn một phần tiền lãi.

- Ông cũng nhất trí, nếu không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm theo các cam kết và theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX căn cứ lời trình bày của các đương sự khác trong vụ án để giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa.

- *Về tuân theo tố tụng, chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các thành viên hội đồng xét xử; nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N: Không chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (còn vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa không có lý do).

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Các Điều 156, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M về việc buộc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

+ Buộc ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho MSB toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/02/2024 là: 1.272.904.441đ, trong đó, nợ gốc là: 964.177.291

đồng; nợ lãi trong hạn là: 222.103.956 đồng; nợ lãi quá hạn là: 86.623.194 đồng.
Cụ thể:

+ Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số TDTC35/2021/HĐCV ngày 30/8/2021; số tiền phải trả: 464.264.938đ gốc; 113.499.474đ lãi trong hạn; 5.204.798đ lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 13,4%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

+ Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số KD17/2021/HĐTD ngày 30/8/2021; số tiền phải trả: 400.000.000đ tiền gốc; 102.404.249đ tiền lãi trong hạn; 46.796.712đ lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 14,9%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

+ Khoản vay thấu chi ngày 02/11/2021; số tiền phải trả: 99.912.353đ tiền gốc; 6.200.233đ tiền lãi trong hạn; 34.621.684đ tiền lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 24%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

- Đối với khoản vay thẻ tín dụng, số tiền phải trả cả gốc và lãi là 58.988.267đ. MSB xin rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án.

- Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ nêu trên thì MSB được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản vay, tài sản bảo đảm là: *thửa đất số 605, tờ bản đồ số 21 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; tại địa chỉ: Thôn H, Bình Dương, V, Vĩnh Phúc (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 564826, số vào sổ cấp GCN: CS 00715 do Sở TN&MT tỉnh V cấp ngày 13/01/2016 đứng tên ông Kim Văn H).*

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho MSB.

+ Về án phí, chi phí tố tụng: ông H, bà N phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: MSB khởi kiện ông H, bà N yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện V. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của T1 án nhân dân huyện V theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, bị đơn bà N, ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do (đã được tổng đạt hợp lệ QĐXX, Quyết định hoãn phiên tòa). Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều xác nhận có việc vay nợ diễn ra giữa nguyên đơn MSB và đồng bị đơn là ông H và bà N. Theo đó, các bên đã đồng thuận giao kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Cụ thể hóa giao kết, các bên đã ký các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất:

Cùng ngày 30/8/2021, M với ông Kim Văn H ký Hợp đồng cho vay số TDTC35/2021/HĐCV, cụ thể:

- + Số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).
- + Thời hạn vay: 120 tháng.
- + Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm đồ dùng gia đình.
- + Lãi suất vay: Áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 05/3/2023 là 8,75%/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày). Lãi suất áp dụng đối với khoản vay cho thời gian tiếp theo tính từ ngày 06/3/2023 là lãi suất thả nổi được tính bằng (=) lãi suất tham chiếu (theo quy định của MSB tại thời điểm điều chỉnh) cộng (+) biên độ 4%/năm. Ngày điều chỉnh kỳ lãi suất đầu tiên là 06/3/2023. Ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ là ngày 16.
- + Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Trả nợ gốc, lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Số kỳ trả gốc: 120 kỳ, ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 16/10/2021, các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 16 hàng tháng; số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 4.166.667 đồng, kỳ cuối trả tất toán. Số kỳ trả lãi: 120 kỳ, ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 16/10/2021, các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 16 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, M đã giải ngân cho vợ chồng ông H số tiền 500.000.000đ vào ngày 06/9/2021. Nhưng vợ chồng ông H đã không thực hiện đúng các cam kết về thời hạn trả nợ gốc, lãi; khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 16/9/2022.

Hiện còn nợ: 464.264.938đ gốc; 118.704.272đ lãi (gồm cả lãi trong hạn và quá hạn); lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 13,4%/01 năm (lãi suất quá hạn); số liệu tính đến hết ngày 29/02/2024.

Hợp đồng thứ hai:

Cùng ngày 30/8/2021, M và ông Kim Văn H tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số KD17/2021/HĐTD, cụ thể:

- + Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).
- + Thời hạn vay: 06 tháng.
- + Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh.
- + Lãi suất vay: Áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 06/6/2022 là 8,5%/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày). Lãi suất áp dụng đối với khoản vay cho thời gian tiếp theo tính từ ngày 07/6/2022 là lãi suất thả nổi được tính bằng (=) lãi suất tham chiếu (theo quy định của MSB tại thời điểm điều chỉnh) cộng (+) biên độ 3.5%/năm. Ngày điều chỉnh kỳ lãi suất đầu tiên là 07/6/2022. Ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ là ngày 26.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Trả nợ gốc, lãi: Nợ gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế. Số kỳ trả gốc: 01 lần vào ngày 07/9/2022, số tiền gốc phải trả 400.000.000 đồng. Số kỳ trả lãi: 06 kỳ, ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 26/3/2022, các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, M đã giải ngân cho vợ chồng ông H số tiền 400.000.000đ vào ngày 07/3/2022. Nhưng vợ chồng ông H đã không thực hiện đúng các cam kết về thời hạn trả nợ gốc, lãi; khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 04/8/2022.

Hiện còn nợ: 400.000.000đ gốc; 149.200.961đ lãi (gồm cả lãi trong hạn và quá hạn); lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 14,9%/01 năm (lãi suất quá hạn); số liệu tính đến hết ngày 29/02/2024.

Hợp đồng thứ ba:

Ngày 22/9/2021, M và ông Kim Văn H tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01021/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/2773883 theo phương thức cho vay hạn mức thấu chi, cụ thể:

+ Số tiền cấp hạn mức thấu chi: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

+ Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng.

+ Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân.

+ Lãi suất thấu chi trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 21/9/2022 là 16%/năm (365 ngày).

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, M đã giải ngân cho vợ chồng ông H số tiền 100.000.000đ vào ngày 22/9/2021. Nhưng vợ chồng ông H đã không thực hiện đúng các cam kết về thời hạn trả nợ gốc, lãi; khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 21/9/2022.

Hiện còn nợ: 99.912.353đ gốc; 40.821.916đ lãi (gồm cả lãi trong hạn và quá hạn); lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 24%/01 năm (lãi suất quá hạn); số liệu tính đến hết ngày 29/02/2024.

Hợp đồng thứ tư:

- Ngày 02/11/2021, M và ông Kim Văn H tiếp tục ký Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng, cụ thể:

+ Số tiền được cấp hạn mức: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

+ Thời hạn thẻ: 36 tháng.

+ Lãi suất: Lãi suất của thẻ tín dụng được áp dụng theo biểu lãi suất được MSB công bố niêm yết tại quầy giao dịch và thông báo trên website của M tại thời điểm ký hợp đồng.

+ Lãi suất quá hạn: Là lãi suất cố định được tính bằng 145% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Đối với khoản vay này, MSB xin rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án.

2.2. Xét nội dung và hình thức của các hợp đồng tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật; phù hợp với ý chí nguyện vọng của các bên; không trái

pháp luật và đạo đức xã hội, phát sinh hiệu lực và buộc các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình.

Việc vợ chồng ông H, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng tới hoạt động thu hồi vốn, sản xuất kinh doanh của ngân hàng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M, buộc vợ chồng ông H bà N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho MSB; cũng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M về việc buộc vợ chồng ông H, bà N phải trả lãi (lãi quá hạn) từ ngày 01/3/2024 trên các dư nợ gốc của các khoản vay.

Đối với giao dịch tín dụng cấp thẻ tín dụng; số tiền hiện chưa thanh toán cả gốc và lãi là 58.988.267đ. MSB xin rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án, nên HĐXX không xem xét, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

2.3. Các bên đương sự xác định: Để đảm bảo cho khoản vay, ông H, bà N đã thế chấp tài sản: *thửa đất số 605, tờ bản đồ số 21 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; tại địa chỉ: Thôn H, Bình Dương, V, Vĩnh Phúc (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 564826, số vào sổ cấp GCN: CS 00715 do Sở TN&MT tỉnh V cấp ngày 13/01/2016 đứng tên ông Kim Văn H).*

Việc giao kết hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng; quá trình xem xét thẩm định tài sản thế chấp phù hợp với nội dung hợp đồng, phù hợp với GCNQSDĐ, phù hợp với thực tế quản lý sử dụng tài sản.

Do vậy, nếu vợ chồng ông H, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thì MSB có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: thửa đất số 605, tờ bản đồ số: 21 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; tại địa chỉ: Thôn H, Bình Dương, V, Vĩnh Phúc (có sơ đồ đất kèm theo).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho MSB.

3. *Về án phí:* MSB là nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông H, bà N là bị đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, MSB đã nộp tạm ứng số tiền 6.200.000đ để trả cho công ty Đ thực hiện việc đo, vẽ, dựng sơ đồ diện tích đất thế chấp; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do vậy, cần buộc vợ chồng ông H, bà N phải trả cho MSB khoản tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Các Điều 156,

Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 về việc buộc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm.

1. Buộc ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho MSB toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng. Tổng số tiền tính đến ngày 29/02/2024 là: 1.272.904.441đ, trong đó, nợ gốc là: 964.177.291 đồng; nợ lãi trong hạn là: 222.103.956 đồng; nợ lãi quá hạn là: 86.623.194 đồng. Cụ thể:

+ Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số TDTC35/2021/HĐCV ngày 30/8/2021; số tiền phải trả: 464.264.938đ tiền gốc; 113.499.474đ tiền lãi trong hạn; 5.204.798đ tiền lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 13,4%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

+ Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số KD17/2021/HĐTD ngày 30/8/2021; số tiền phải trả: 400.000.000đ tiền gốc; 102.404.249đ tiền lãi trong hạn; 46.796.712đ tiền lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 14,9%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

+ Khoản vay thấu chi ngày 02/11/2021; số tiền phải trả: 99.912.353đ tiền gốc; 6.200.233đ tiền lãi trong hạn; 34.621.684đ tiền lãi quá hạn.

Từ ngày 01/3/2024 ông H, bà N phải tiếp tục trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là 24%/01 năm/dư nợ gốc của khoản vay.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của M về việc yêu cầu ông H, bà N thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay thẻ tín dụng, số tiền phải trả cả gốc và lãi là 58.988.267đ (tính đến hết ngày 29/02/2024).

3. Trường hợp vợ chồng ông Kim Văn H và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định nêu trên thì MSB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: thửa đất số 605, tờ bản đồ số 21, có diện tích 174,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CB 564826 mới vào sổ cấp GCN CS 00715 do Sở TN&MT tỉnh V cấp ngày 15/01/2016 đứng tên ông Kim Văn H (có sơ đồ đất kèm theo).

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ, ông H, bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho MSB đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí:

Trả lại cho MSB số tiền 24.623.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004522 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Buộc ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N phải liên đới chịu nộp 50.187.133 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Kim Văn H, bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho MSB số tiền 6.200.000đ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Bình Dương (niêm yết);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thành Công